

**PHỤ LỤC III**  
**KHẢO SÁT, XÁC ĐỊNH GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG DO CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ CUNG CẤP THÁNG 3/2024**  
 (Kèm theo Văn bản số: 491/CBG-SXD ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*															
											Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]		[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]				
I	XI MĂNG																									
		Xi măng Hà Tiên PCB40	đ/tấn	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty CP XM Hà Tiên	Việt Nam			1. TP Đà Lạt báo giá tại các cửa hàng: VLXD Thanh Tra, địa chỉ: 358 Hai Bà Trưng, điện thoại: 0908020206; Cty TNHH Phúc Cát, địa chỉ: 103/2 Tư Phước, phường 11, điện thoại: 0917874979. 2. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương; Công ty TNHH TM-DV Thống Minh số 16 Biđup, thị trấn Lạc Dương; Cửa hàng VLXD Dư Thịnh Hưng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. 3. Huyện Đức Trọng báo giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thành, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa. 4. Huyện Đam Rông báo giá: DNTN Triều An (SDT: 02633 984 919); Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 xã Rô Men (SDT: 0982 779486). 5. Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thanh số 1086, đường Hùng Vương, Tổ Dân phố 15, thị trấn Di Linh. 6. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công ty TNHH Thương Mai Xây Dựng - V-T-Vũ Thiên, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lao, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc. 7. Huyện Bảo Lâm: Công ty TNHH Hòa Hưng (Địa chỉ: 183 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Bảo Lộc / ĐT: 0968.276.686). 8. Huyện Đạ Huoai báo giá tại Cửa hàng VLXD Tuyên Thủy thôn 1, xã Madaguoi. Huyện Cát Tiên báo giá của Công ty TNHH Xây dựng và đầu tư Hoàng Yến, TDP 13, thị trấn Cát Tiên		2,280,000	2,200,000	2,300,000		2,400,000	2,200,000	2,198,800	2,260,000		2,040,000	2,100,000				
		Xi măng Insee PCB40	đ/tấn	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		C.Ty TNHH XM Holcim Việt Nam									2,300,000	2,200,000	2,200,000			2,200,000	2,208,000	2,018,519	1,940,000	2,000,000	2,100,000	
		Xi măng Nghi Sơn PCB40	đ/tấn	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty XM Nghi Sơn									2,260,000	2,260,000	2,200,000	2,200,000		2,400,000	2,200,000					
		Xi măng Phúc Sơn PCB40	đ/tấn	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty XM Phúc Sơn												2,100,000	2,100,000		2,300,000	2,100,000				
		Xi măng Cẩm Phá PCB40	đ/tấn	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty CP XM Cẩm Phá									2,140,000		2,100,000	2,100,000			2,100,000	1,959,600	2,060,000	1,800,000	1,900,000	1,960,000
		Xi măng Công Thành PCB40	đ/tấn	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty CP XM Công Thành																				
		Xi măng Thăng Long PCB40	đ/tấn	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty CP XM Thăng Long																				1,900,000
		Xi măng Long Sơn PCB40	đ/tấn	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty XM Long Sơn														2,300,000						
II	CÁT XÂY DỰNG																									
		Cát xây, tô	m <sup>3</sup>	Không có thông tin							580,000	570,000	480,000	550,000		500,000	480,000	520,000	490,000	350,000	360,000	350,000				









STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*												
											Đà Lạt	Lạc Dương	Đon Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
		Thép cây vân Ø10	cây	nt	Ø10 mm CB240T					<p><b>TP Đà Lạt</b> báo giá tại các cửa hàng: VLXD Thanh Tra, địa chỉ: 358 Hai Bà Trưng, điện thoại: 0908020206; Cty TNHH Phúc Cát, địa chỉ: 103/2 Tự Phước, phường 11, điện thoại: 0917874979.</p> <p><b>Huyện Lạc Dương</b> báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương; Công ty TNHH TM-DV Thông Minh số 16 Bàuup, thị trấn Lạc Dương; Cửa hàng VLXD Dư Thịnh Hưng, điện thoại: 0972992009, thị trấn Lạc Dương.</p> <p><b>Huyện Đức Trọng</b> báo giá của Công ty TNHH XD&amp;TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&amp;TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&amp;TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa.</p> <p><b>Huyện Đam Rông</b> báo giá: DNTN Triều An (SĐT: 02633.984.919); Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 xã Rô Men (SĐT: 0982.779486).</p> <p><b>Huyện Di Linh</b> báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thanh số 1086, đường Hùng Vương, tổ Dân phố 15, thị trấn Di Linh.</p> <p><b>Thành phố Bảo Lộc:</b> báo giá tại Công ty TNHH Thương Mai Xây Dựng - V-T-Vũ Thiên, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lao, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc.</p> <p><b>Huyện Đạ Huoai</b> báo giá tại Cửa hàng Tuyên Thủy thôn, xã Madaguoi</p>	123,000	122,000	108,000	110,000		115,000	108,000						
		Thép cây vân Ø12	cây	nt	Ø12 mm CB 400V - SD390							175,000	172,000	166,000	170,000		180,000	166,000					
		Thép cây vân Ø14	cây	nt	Ø14 mm CB 400V - SD390							240,000	236,000	224,000	220,000		257,000	224,000					
		Thép cây vân Ø16	cây	nt	Ø16 mm CB 400V - SD390		Việt Nam					312,000	309,000	292,000	280,000		322,000	292,000					
		Thép cây vân Ø18	cây	nt	Ø18 mm CB 400V - SD390							394,000	391,000	369,000	360,000		425,000	369,000					
		Thép cây vân Ø20	cây	nt	Ø20 mm CB 400V - SD390							482,000	482,000	454,000	440,000		515,000	454,000					
		Thép cây vân Ø22	cây	nt	Ø22 mm CB 400V - SD390								605,000	533,000	530,000		620,000	533,000					
<b>VI</b>	<b>GỖ XÂY DỰNG</b>																						
		Gỗ xẻ làm cốp - pha nhóm VII - VIII	m3	Không có thông tin								6,500,000	5,900,000	6,500,000		5,600,000	5,900,000	6,500,000	6,000,000	6,000,000	4,600,000		
		Gỗ xẻ làm cấu kiện trang trí nội thất nhóm 4	m3	Không có thông tin			Việt Nam					6,500,000	6,600,000	7,000,000		6,400,000	6,000,000	6,000,000					
		Gỗ xẻ làm cấu kiện trang trí nội thất nhóm 3	m3	Không có thông tin									9,200,000	7,000,000		9,200,000	8,700,000						

